**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**

**I. Mục tiêu:**

**-** Trẻ thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường.

- Trẻ có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bĩ.

- Trẻ có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Trẻ có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

- Trẻ có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe.

- Trẻ có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

**II. Nội dung:**

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU GIÁO DỤC** | **NỘI DUNG GIÁO DỤC** |
| **-** Trẻ Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thề dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bàn nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. | **-** Hô hấp: Hít vào, thở ra. (TDS) (Cả năm)  - Tay:  + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) (TDS) (Cả năm)  + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao (TDS) (Cả năm)  - Lưng, bụng lườn (TDS) (Cả năm)  - Chân (TDS) (Cả năm)  - Hít thở (TDS) (Cả năm) |
| - Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động | - Đi trên ván kê dốc (dài 2m x 0.30 m) một đầu kê cao 0.30m. (Tháng 11)  *-* ***Đi thăng bằng trên ghế TD (CS11) (Tháng 11)***  - Đi nối bàn chân tiến, lùi (Tháng 9)  - Đi trên ghế băng đầu đội túi cát (Tháng 11)  - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuỵu gối (TDS) (Tháng 9)  - Đi trên dây (dây đặt trên sàn) (HĐVCNT) (Tháng 11)  - Đứng một chân và giữ thăng bằng trong 10 giây (HĐVCNT) (Tháng 4) |
| - Trẻ kiểm soát được vận động | -Trẻ kiểm soát được vận động  - Đi thay đổi tốc độ (HĐVCNT) (Tháng 10)  - Đi đổi hướng (HĐVCNT) (Tháng 11)  - Đi dích dắc theo hiệu lệnh (HĐVCNT) (Tháng 12)  - Chạy đổi hướng (HĐVCNT) (Tháng 11)  - Chạy nhấc cao chân (TDS) (Tháng 1)  – Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh (HĐVCNT) (Tháng 2)  - Chạy dích dắc (HĐVCNT) (Tháng 3)  - Chạy dích dắc theo hiệu lệnh (Tháng 4)  - Chạy vượt CNV ( hoạt động ngoài trời) (Tháng 4) |
| - Trẻ biết phối hợp tay – mắt trong vận động | ✪ Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m) (Tháng 5)  - Ném trúng đích bằng 1 tay (4m) (Tháng 4)  - Ném trúng đích bằng 2 tay. (Tháng 5)  - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay (Tháng 3)  - Ném xa bằng 1 tay (Tháng 11)  - Ném xa bằng 2 tay (Tháng 3)  - Tung bóng lên cao và bắt bóng. (Tháng 9)  - Tung, đập bóng tại chỗ (hoạt động ngoài trời) (Tháng 1)  - ***Đập và bắt được bóng bằng 2 tay (HĐVCNT)(CS10)*** (Tháng 5)  ***- Ném và bắt bóng bằng hai tay với người đối diện khoảng cách xa 4m (HĐVCNT)(CS3)*** (Tháng 12)  - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp**.** (HĐVCNT)(Tháng 4) |
| - Trẻ có các kỹ năng vận động cơ bản | - Bật liên tục qua 7 vòng (Tháng 10)  ***- Bật xa 40 - 50cm (CS1)*** (Tháng 3)  - Bật sâu 40 – 50 cm (Tháng 5)  ***-*** Bật nhảy từ trên cao xuống (40 -50 cm) (Tháng 3)  - Bật tách, khép chân qua 7 ô. (Tháng 12)  - Bật qua vật cản từ 15 -20cm (Tháng 1)  - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1.5m x 30cm. (Tháng 4)  ***- Trèo lên xuống 7 gióng thang (CS4)*** (Tháng 1)  **-** Bật, nhảy: tự nhiên liên tục, đến đích (HĐVCNT) (Tháng 1)  - Tung bóng lên cao và ném (HĐVCNT) (Tháng 3)  ***- Nhảy độ cao 40 cm (HĐVCNT)(CS2) (Tháng 2)*** |
| **-** Trẻ vận động nhanh nhẹn, khéo léo trong chạy liên tục, bò vòng qua 5-6 điểm dích dắc. | - Lăn bóng và di chuyển theo bóng (HĐVCNT) (Tháng 9)  - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây (Tháng 5)  - Bò, trườn, trèo:  - Bò bằng bàn tay-chân 4m – 5m. (Tháng 11)  - Bò chui qua ống dài 1.5m x 0.6m (Tháng 4)  - Bò vòng qua 5 – 6 điểm dích dắc (Tháng 12)  - Bò dích dắc cách nhau 1,5m (Tháng 1)  - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. (HĐVCNT) (Tháng 11)  ***- Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục (HĐVCNT)(CS9) (Tháng 2)***  ***- Chạy liên tục khoảng 120 – 150 m (không hạn chế thời gian). (CS13) (Tháng 5)***  - Chạy chậm 100 – 120 m (HĐVCNT) (Tháng 12)  ***- Chạy 15m (18m) trong khoảng thời gian 5 - 7 giây. (HĐVCNT)(CS12) (Tháng 4)***  - Nhảy lò cò 5m (Tháng 5)  - Nhảy xa (HĐVCNT) (Tháng 3) |
| - Trẻ biết thực hiện các vận động của ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay và phối hợpđược cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động (vẽ, cắt, lắp ghép, tết sợi, cài cúc, buộc dây…) | ***- Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản (cắt dán lồng đèn (HĐVCTL), cắt cái lá) (Giờ học) (CS7)*** (Tháng 11)  - Cắt theo đường cong của các hình đơn giản (Cái lá) (SHC) (Tháng 12)  - Trẻ thực hiện được các vận động của ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay và phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động (vẽ, cắt, lắp ghép, tết sợi, cài cúc, buộc dây…) (Tháng 9)  ***- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.*** ***(Giờ học)(CS8) (Tháng 1)***  - Tô, đồ theo nét. (HĐVCTL) (Tháng 11)  - ***Tô màu kín, không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ (Giờ học) (SHC)(CS6)*** *(****Tháng 9)***  - Cắt theo đường viền thẳng (Giờ học) (Tháng 9)  - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép,kéo khóa (phéc mơ tuya) (TCS) (Tháng 11) |
| - Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm (giàu chất đạm, giàu vitaminvà muối khoáng, rau, quả. | - Nhận biết, phân biệt các loại thực phẩm khác nhau theo 4 nhóm: rau củ, trái cây, cá thịt, sữa, gạo, mì... và sự cần thiết của chúng với cơ thể. (HĐVCTL) (Tháng 11)  - Phân loại các chất bột đường, chất đạm, … (Tháng 10)  - Phân loại các chất béo, vitamin … (Tháng 11) |
| - Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo | - Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. (HĐVCTL) (Tháng 1)  - Biết tên một số thực phẩm như: gạo, thịt, cá… (giờ ăn) (Tháng 10)  ***- Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. (giờ học) (CS19) (Tháng 11)***  - Biết tham gia làm quen 1 số thao tác đơn giản trong chế biến 1 số món ăn (HĐVCTL) (Tháng 1)  - Bé chế biến món ăn (hoành thánh, chả giò, xúc xích…) (Tháng 11) |
| - Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. | **- *Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe (CS20) (Tháng 10)***  - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất (giờ ăn) (Tháng 10)  - Biết phân loại thức ăn có lợi và có hại cho cơ thể (Tháng 11)  - Cần ăn đầy đủ các loại thức ăn và được chế biến khác nhau, đặc biệt rau trái cây, sữa. (giờ ăn) (Tháng 12)  - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…) (TCS) (Tháng 3)  - Biết uống nước đun sôi, để nguội, nước tinh khiết đóng chai, uống nước theo nhu cầu (TCS) (Tháng 2)  - Biết ăn da dạng các loại thức ăn (Giờ ăn) (Tháng 1)  - Tập luyện vệ sinh cá nhân (Tháng 5) |
| - Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt khi được nhắc nhở | ***-*** ***Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi VS, khi tay dơ (Giờ ăn) (CS15)*** (Tháng 10)  ***- Tự rửa tay, lau mặt, chải răng hằng ngày (giờ ăn) (CS16)*** (Tháng 1)  - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định  (SHC) (Tháng 12)  ***- Tự mặc và cởi được áo, quần (giờ ngủ) (CS5) (Tháng 9)***  ***- Giữ đầu tóc và qần áo gọn gang (giờ ngủ) (CS18)*** (Tháng 10)  - Biết giữ và tự chải tóc, quần áo gọn gàng (SHC) (Tháng 3)  - Ích lợi của VS cá nhân: tắm, gội, rửa tay. (Tháng 5)  - Đi VS đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách (trò chuyện sáng) (Tháng 9)  - Giật nước bồn cầu cho sạch sau khi đi VS (giờ ăn) (Tháng 9)  - Dạy bé gái cách bảo vệ thân thể (TCS)  - Tự xúc ăn, làm vệ sinh (giờ ăn) (Tháng 12)  - Biết xếp bàn ghế (giờ ăn) (Tháng 11)  - Kê bàn ăn, dọn bàn ghế giờ ăn, giờ chơi (giờ ăn) (Tháng 11)  - Tự mắc, lấy và cất gối (giờ ngủ) (Tháng 10) |
| - Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo | - Biết sử dụng một số đồ dùng phục vụ ăn uống phù hợp (giờ ăn) (Tháng 10)  - Biết tự xúc ăn (giờ ăn) (Tháng 12)  - Biết tự múc cơm, canh, thức ăn. (giờ ăn) (Tháng 12) |
| - Trẻ nhận biết một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống | ***-*** Có thói quen mời bạn, mời cô trước khi ăn (giờ ăn) (Tháng 11)  - Ăn uống từ tốn, không vừa nhai vừa nói, vừa giỡn tránh hóc sặc (giờ ăn) (Tháng 2)  - Múc thức ăn vừa đủ, lấy nước vừa đủ uống (giờ ăn) (Tháng 12)  - Không đùa nghịch, không làm đỗ vãi thức ăn. (giờ ăn) (Tháng 4)  - Không đòi mua quà vặt ngoài đường (SHC) (Tháng 2)  - Không chen lấn khi múc thức ăn. (giờ ăn) (Tháng 12)  - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau (giờ ăn) (Tháng 1)  - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường (TCS) (Tháng 2)  - Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. (giờ ăn) (Tháng 3)  - Không nói chuyện to trong giờ ăn… (giờ ăn) (Tháng 1)  - Bé có hành vi ăn uống văn minh (Tháng 1)  - Biết xếp bàn ghế (giờ ăn) (Tháng 11)  ***- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động: như múc cơm (Giờ ăn)(CS47)*** (Tháng 12) |
| - Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh | - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết: mặc áo ấm khi trời mưa- lạnh, mặc đồ thoáng mát khi trời nóng. (đón trẻ) (Tháng 12)  - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. (HĐVCTL) (Tháng 12)  - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy (TCS) (Tháng 1)  - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh, mặc áo mưa khi trời mưa (SHC) (Tháng 12)  - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và biết thông báo với người lớn biết: khi mắc ói, đau bụng, nhức đầu, mệt mỏi, sốt… (TCS) (Tháng 2)  ***- Che miệng khi ho, hắt hơi hoặc ngáp (giờ ăn) (CS17)*** (Tháng 2)  ***-*** Đi vệ sinh, bỏ rác đúng nơi quy định, không khạc nhỗ bừa bãi (TCS) (Tháng 4)  - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ vệ sinh đúng cách, biết dội, giật nước sau khi đi vệ sinh (giờ ăn) (Tháng 9) |
| ***🟆 Tập làm một số việc tự phục vụ lao động*** | - Biết lau chùi, kệ, tủ, bàn ghế… (HĐVCTL) (Tháng 11)  - Biết tự sắp xếp đồ dùng, đồ chơi gọn gàng ngăn nắp ngay ngắn (HĐVCTL) (Tháng 12)  - Biết vệ sinh phòng lớp (Đón trẻ) (Tháng 12)  - Biết quét lá, nhặt lá khô, lá vàng rụng trong sân trường (HĐVCNT) (Tháng 11)  - Biết chăm sóc bảo vệ cây: Tưới cây, nhổ cỏ, bắt sâu, nhặt lá úa. (HĐVCNT) (Tháng 11)  - Biết lau chùi đồ chơi ngoài trời (HĐVCNT) (Tháng 12)  - Biết xới đất ( HĐVCNT) (Tháng 10) |
| - Trẻ kể được tên, biết tránh một số vật dụng, gây nguy hiểm, nơi nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn | - Biết phòng tránh và không chơi nơi nguy hiểm  (lửa, bếp, nước sâu, khói thuốc lá, bụi, nước sôi, bàn ủi đang nóng, kẹt cửa, cầu tuột tiếp sân cứng...) hành động nguy hiểm (xô đẩy, đánh cắn, chơi trên đường đi...) vật dụng không an toàn (dao, vật nhọn, diêm, hộp quẹt gây cháy, dây điện, ổ điện...) (Tháng 12)  - Bé biết không chơi với đồ vật nguy hiểm (Tháng 1)  - Bé biết không được chơi với vật nhọn (Tháng 2)  - Bé biết thoát hiểm khi cháy (Tháng 4)  - Biết ích lợi của việc đội mũ bảo hiểm (TCS) (Tháng 3)  ***- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm (TCS) (CS21) (Tháng 4)***  - Biết cách ứng xử với các loại thuốc và hóa chất trong lớp: thuốc tẩy, xà phòng, xịt muỗi… (SHC) (Tháng 3)  - Bé học an toàn về điện (Giáo dục trẻ biết bảo vệ bản thân, tránh xa các thiết bị điện, năng lượng nguy hiểm) (Tháng 3)  - ***Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm (***Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn) ***(HĐC) (CS22)*** (Tháng 4)  ***- Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm (TCS)(CS23) (Tháng 4)*** |
| - Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh | - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh (TCS) (Tháng 2)  - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc … (Giờ ăn) (Tháng 2)  - Biết không tự ý uống thuốc (TCS) (Tháng 2)  - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. (SHC) (Tháng 2)  - ***Biết hút thuốc là có hại và không lại gần người đang hút thuốc. (SHC) (CS26) (Tháng 3)***  - Không tự mình đến gần nơi chứa nước, ao, hồ, sông, rạch; không nghịch ổ cắm điện và những thiết bị điện…(TCS) (Tháng 4) |
| - Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ | - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. (Tháng 10)  - Bé biết kỹ năng thoát hiểm khi hỏa hoạn (Tháng 2)  ***- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm (TCS) (CS25) (Tháng 2)***  - Biết tránh một số trường hợp không an toàn (TCS) (Tháng 2)  - Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi (TCS) (Tháng 2)  ***- Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. (SHC) (CS24)*** (Tháng 1)  - Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo (SHC) (Tháng 11)  - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu … (Giờ học) (SHC) (Tháng 4)  - Biết các số điện thoại khẩn cấp (SHC) (Tháng 11)  - Nhận biết 1 số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. (SHC) (Tháng 3)  - Dạy các bé gái biết các hành động xâm hại lên cơ thể: không cho bất cứ ai xờ vào than thể mình ở những nơi vắng vẻ (SHC) (Tháng 2)  - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và biết thông bào với người lớn biết: khi mắc ói, đau bụng, nhức đầu, mệt mỏi…(TCS) (Tháng 2) |
| - Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn | - Bé biết chơi ở những nơi an toàn và không chơi ở những nơi không an toàn (Tháng 1)  - Bé biết không đi theo và nhận quà của người lạ (Tháng 1)  - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi (TCS) (Tháng 11)  - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy (TCS) (Tháng 3)  - Không leo trèo cây, ban công, tường rào …(TCS) (Tháng 4)  - Biết cách ưng xử với ngưới lạ (TCS) (Tháng 2)  - Biết ứng xử khi đi lạc (SHC) (Tháng 2)  - ***Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút ( giờ học) (CS14)*** ***(Tháng 12)*** |

**+ Ghi chú**

**- Tháng 9: Màu hống phấn**

**- Tháng 10: Màu tím**

**- Tháng 11: Màu xanh lam**

**- Tháng 12: Màu cam**

**- Tháng 1: Màu xanh dương**

**- Tháng 2: Màu đỏ đậm**

**- Tháng 3: Màu hồng**

**- Tháng 4: Màu xanh lá**

**- Tháng 5: Màu đen**

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**

**I. Mục tiêu:**

- Trẻ ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Trẻ có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- Trẻ có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

- Trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói…) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

**II. Nội dung:**

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU GIÁO DỤC** | **NỘI DUNG GIAO DỤC** |
| **\*Khám phá khoa học:**  - Trẻ thích tìm hiểu, khám phá đặc điểm của các sự vật, hiện tượng. | - ***Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau (HĐVCTL) (CS119) (Tháng 5)***  - ***Tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh (HĐVCNT) (CS113) (Tháng 3)***  ***- Hay đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng như: Tại sao có mưa? …(HĐVCNT) (CS112) (Tháng 5)***  ***- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra (HĐVCTL) (CS95) (Tháng 11)***  - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa (HĐVCTL) (Tháng 12)  - Thứ tự các mùa. (HĐVCTL) ***(Tháng 12)***  - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người. (HĐVCTL) (Tháng 5)  - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con vật và cây cối theo mùa. (Giờ học) (HĐVCTL) (Tháng 1)  - ***Nói được đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống (HĐVCTL) (Giờ học) (CS94) (Tháng 1)***  - Một số đặc điểm, tính chất của nước (Giờ học) (Tháng 1).  - Một vài đặc điểm, tính chất của đất (HĐVCTL) (Tháng 10)  - Một vài đặc điểm, tính chất của đá (HĐVCTL) (Tháng 5)  - Một vài đặc điểm, tính chất của sỏi (HĐVCTL) ***(Tháng 12)***  - Một vài đặc điểm, tính chất của cát (HĐVCTL) (Tháng 11)  - Bé biết lợi ích của không khí (Tháng 11) |
| - Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, khám phá và thảo luận về sự vật, hiện tượng. | - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. (Giờ học) (HĐVCTL) (Tháng 4)  - Phân loại các biển báo giao thông theo các dấu hiệu, đặc điểm (Tháng 12)  - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông: Bảng cấm, bàng chỉ đường. (HĐVCTL) (Tháng 3)  - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con bò, heo, … (HĐVCTL) (Tháng 2)  - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây cối (HĐVCTL) (Tháng 1)  - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của hoa hồng, hoa lan (HĐVCTL) (Tháng 1)  - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của quả cam, quả chuối. (HĐVCTL) (Tháng 1)  - Điều kiện sống của một số loại hoa lan, hoa đào (HĐVCTL) (Tháng 1)  - Điều kiện sống của con ếch, con bướm… (HĐVCTL) (Tháng 2)  **- *Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung (Giờ học) (CS92) (Tháng 10)***  - Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận. (HĐVCTL) (Tháng 3)  **- *Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên. (Giờ học) (HĐVCTL) (CS93) (Tháng 1)***  - Quá trình phát triển của cây cối (cây đậu nành) (Tháng 2)  - Quá trình phát triển của cây lúa (Tháng 11)  - Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận) (Tháng 1)  - Tìm hiểu họ hàng con ếch. (giờ học) (HĐVCTL) (Tháng 2)  - Sự dẫn truyền của nước (Tháng 1)  - Quá trình phát triển của con vật (con bướm) (Tháng 10)  - Làm thí nghiệm “sự chìm nổi của chất lỏng” (Tháng 9)  - Lám thí nghiệm sự sủi bọt khí của bột banking soda và giấm (Tháng 10)  - Làm thí nghiệm sự đổi màu của hoa hồng (Tháng 11)  - Làm thí nghiệm chọc bong bóng không nổ (Tháng 11)  - Làm thí nghiệm sự đổi màu của nước bắp cải tím (Tháng 12)  - Làm thí nghiệm theo dõi nước chảy ra (Tháng 12)  - Làm thí nghiệm sự đông đặc của nước (Tháng 12)  - Làm thí nghiệm slime (Tháng 1)  - Thí nghiệm lực hút tĩnh điện (Tháng 1)  - Làm thí nghiệm “Lốc xoáy nước” (Tháng 3)  - Làm thí nghiệm “Sủi bọt của viên sủi” (Tháng 3)  - Sự đông đặc của nước (tháng 5)  - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể (Giờ học) (Tháng 10)  - Khám phá các bộ phận cơ thể và các giác quan (Giờ học) (Tháng 10)  + Tìm hiểu về các mùi vị (Chủ đề “Gương mặt đáng yêu”) (Tháng 10)  + Tìm hiểu về lợi ích của đôi mắt (Chủ đề “Gương mặt đáng yêu”) (Tháng 10) |
| - Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. | - Phân loại các biển báo giao thông (Giờ học) (Tháng 3)  ***- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. (chất liệu, công dụng)*** ***(HĐVCTL) (CS96) (Tháng 11)***  - Phân loại các món đồ dùng, đồ chơi theo chức năng, công dụng và chất liệu (Tháng 10)  - Phân loại các loại trái cây (Tháng 11)  - Phân loại các trang phục theo thời tiết (Tháng 12)  - Phân loại cây cối, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu. (HĐVCTL) (Tháng 1)  ***- Loại được một đối tượng không cùng nhóm với đối tượng còn lại (Giờ học) (CS115) (Tháng 10)***  - Dạy trẻ biết một số cách phòng chống tai nạn giao thông.( SHC) (Tháng 5) |
| - Trẻ nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản. | ***- Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày (Giờ học) (SHC) (CS114) (Tháng 4)***  - Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”. (Tháng 5)  - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm, cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. (Tháng 11)  - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật. (HĐVCNT) (Tháng 3)  - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống. (HĐVCNT) (Tháng 1)  - Các nguồn nước trong môi trường sống. (SHC) (Tháng 1)  - Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. (Giờ học) (HĐVCNT) (Tháng 3)  - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. (giờ học) (Tháng 1)  - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. (Tháng 4)  - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây cối. (Tháng 11) |
| - Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau | - ***Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình***  ***(HĐVCTL) (CS118) (Tháng 12)***  - Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát: (Tháng 11)  - So sánh sự khác và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. (HĐVCTL) (Tháng 11)  - So sánh sự khác và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. (Giờ học) (HĐVCTL) (Tháng 1)  - Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình … như (Tháng 12)  - Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, trường học, bệnh viện …; mô phỏng vận động/ di chuyển/ dáng điệu các con vật (HĐVCTL) (Tháng 12)  - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. (Giờ học) (HĐVCTL) (Tháng 4)  - Hát các bài hát về cây, con vật, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất …(HĐVCTL) (Tháng 4)  - Vẽ, xé, dán, nặn các con vật, cây, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất …(HĐVCTL) (Tháng 4) |
| **\*Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về Toán:**  - Trẻ nhận biết được số lượng. | - Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? Đây là mấy? (HĐVCTL) (Tháng 11)  - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. (SHC) (Tháng 12)  - Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. (SHC) (Tháng 12)  - Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (HĐVCTL) (Tháng 1)  ***- Chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu. (giờ học) (HĐVCTL) (CS107) (Tháng 2)***  ***- Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10 (HĐVCTL) (CS104) (Tháng 5)***  - Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm (HĐVCTL) (Tháng 5)  ***- Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm (CS105) (Tháng 5)***  - So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. (HĐVCTL) (Tháng 4)  - Bé ôn các hình khối (Tháng 9)  - Ôn số lượng 5 (Tháng 9)  - Bé đếm số lượng 6 và chữ số 6 (Tháng 10)  - Bé đếm số lượng 7 và chữ số 7 (Tháng 11)  - Bé đếm số lượng 8 và chữ số 8 (Tháng 1)  - Bé đếm số lượng 9 và chữ số 9 (Tháng 3)  - Bé đếm số lượng 10 và chữ số 10 (Tháng 4)  - Thêm bớt trong phạm vi 6 (Tháng 11)  - Thêm bớt trong phạm vi 7 (Tháng 12)  - Thêm bớt trong phạm vi 8 (Tháng 1)  - Thêm bớt trong phạm vi 9 (Tháng 4)  - Thêm bớt trong phạm vi 10 (Tháng 5)  - Tách – gộp trong phạm vi 6 (Tháng 11)  - Tách – gộp trong phạm vi 7 (Tháng 12)  - Tách – gộp trong phạm vi 8 (Tháng 3)  - Tách – gộp trong phạm vi 9 (Tháng 4)  - Tách – gộp trong phạm vi 10 (Tháng 5) - Nhận biết tên các hình, hình khối (Tháng 12) |
| - Trẻ biết xếp tương ứng | - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan (Giờ học) (HĐVCTL) (Tháng 1) |
| - Trẻ biết sắp xếp theo qui tắc | - Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. (Giờ học) (HĐVCTL) (Tháng 3)  ***- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc (SHC) (CS116) (Tháng 10)***  - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp (Tháng 2)  - Sắp xếp các đối tượng theo qui tắc (Tháng 4) |
| - Trẻ biết so sánh 2 đối tượng | ***- Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo (HĐVCTL)(CS106)*** (Tháng 3)  - Bé ôn nhận biết hình tròn, hình vuông, chữ nhật, tam giác (Tháng 10)  - Bé chơi ghép hình hình học (tháng 4)  - Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả:  + Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. (Tháng 5)  ***+*** Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo (Tháng 1)  + Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. (Tháng 5) |
| - Trẻ nhận biết được vị trí trong không gian và định hướng thời gian | - ***Xác định vị trí của đồ vật (phía trước-phía sau; phía trên-phía dưới; phía phải-phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. (CS108) (Tháng 11)***  - Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. (Tháng 12)  - Bé xem lịch (Tháng 2)  - Bé xem đồng hồ (Tháng 1)  ***- Nhận biết, phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày (Giờ học) (CS110) (Tháng 10)***  - ***Gọi đúng tên các thứ trong tuần*. (Giờ học) (SHC) (CS109)** ***(Tháng 9)***  - Gọi đúng tên các mùa trong năm. (SHC) (Tháng 1)  ***- Nói được các ngày trên lốc lịch và giờ trên đồng hồ (Giờ học) (HĐVCTL) (CS111) (Tháng 3)*** |
| **\*Khám phá xã hội:**  - Trẻ nhận biết được bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng | ***- Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình (Giờ học) (SHC) (CS27) (Tháng 4)***  + Nói tên, tuổi, giới tính các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình***.*** (Tháng 4)  - Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; nói tên, công việc của cô giáo các cô bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. (SHC) (Tháng 10)  + Nói số điện thoại khi được hỏi, trò chuyện. (Tháng 10)  ***-*** Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. (SHC) (Tháng 10)  - Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm). (SHC) (Tháng 4)  - Nói họ, tên và đặc điểm, sở thích của các bạn trong lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.( Giờ học) (Tháng 10) |
| - Trẻ nhận biết được một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương | - Bé yêu chú bộ đội Trường Sa (SHC) (Tháng 3)  - Bé làm nhà thiết kế thời trang (Tháng 2)  - Bé tìm hiểu về nghề Bác sĩ (Tháng 3)  ***- Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống (Giờ học) (HĐVCTL) (CS98)*** ***(Tháng 9)***  - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. (SHC)  - Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nghề nông dân làm ra lúa, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới…”. (giờ học) (Tháng 11)  ***- Kể* được một số địa điểm công cộng, gần gũi nơi trẻ sống. (Giờ học) (SHC) (CS97) *(Tháng 4)*** |
| - Trẻ nhận biết được một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh | - Tìm hiểu về ngày Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 (Tháng 12)  - Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội: ngày quốc khánh 2/9 cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên. (SHC) (Tháng 4)  - Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. (SHC) (Tháng 5)  - Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương (SHC) (Tháng 4) |
| **\* Biển đảo** | - Dạy trẻ biết về đảo trường sa, hoàng sa (SHC) (Tháng 5)  - Dạy trẻ biết về cuộc sống ở ngoài biển đảo (TCS) (Tháng 5) |
| **Thiên tai**  - Dạy trẻ biết cách nhận biết về một số thiên tai của môi trường: | - Bão lũ, Chiều cường (Tháng 11)  - Bé tìm hiểu, phân biệt mưa, bão (Tháng 3)  - Dạy trẻ biết cách bảo vệ mình động đất (Tháng 5)  - Dạy trẻ biết cách nhận biết về một số thiên tai của môi trường: (Tháng 5)  ***- Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày (HĐVCNT) (CS57) (Tháng 12)***  🟀 Động đất… (SHC) (Tháng 5)  ***- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra (Giờ học) (Chuẩn 20- CS95)*** |
| - Dạy trẻ khám phá về năng lượng tự nhiên như | **-** Năng lượng mặt trời (Tháng 2)  **-** Không khí (Tháng 11)  **-** Khám phá năng lượng gió (Tháng 3) |

**+ Ghi chú**

**- Tháng 9: Màu hống phấn**

**- Tháng 10: Màu tím**

**- Tháng 11: Màu xanh lam**

**- Tháng 12: Màu cam**

**- Tháng 1: Màu xanh dương**

**- Tháng 2: Màu đỏ đậm**

**- Tháng 3: Màu hồng**

**- Tháng 4: Màu xanh lá**

**- Tháng 5: Màu đen**

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**

**I. Mục tiêu:**

- Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu biết lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt,cử chỉ, điệu bộ…).

- Trẻ biết diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày.

- Trẻ có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- Trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp.

- Trẻ có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.

**II. Nội dung:**

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU GIÁO DỤC** | **NỘI DUNG GIÁO DỤC** |
| - Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể. | - Phân biệt ngữ điệu khác nhau và ý nghĩa của nó (biểu lộ tình cảm, mức độ quan trọng của thông điệp) (Giờ học) (SHC) (Tháng 3)  ***- Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động (HĐVCTL) (CS62) (Tháng 1)*** |
| - Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát | - Hiểu nội dung câu ghép. (SHC) (Tháng 1)  - Hai anh em (SHC) (Tháng 3)  - Sự tích bánh chưng bánh dày (SHC) (Tháng 1)  - Sơn tinh Thủy tinh (SHC) (Tháng 4)  - Sự tích chú cuội cung trăng (SHC) (Tháng 5)  - Tấm cám (SHC) (Tháng 4)  - Cây khế (SHC) (Tháng 4)  ***- Hiểu nghĩa một số từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần (SHC***) ***(CS63) (Tháng 1)***  ***- Nhận ra được các sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận…. (SHC) (CS61) (Tháng 9)***  - Nhận biết từ khái quát (thức ăn, đồ chơi...) từ trái nghĩa ( hiền lành – độc ác, nóng – lạnh ...) .Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu phức, câu mở rộng. (SHC) (Tháng 1)  ***- Nghe hiểu nội dung chuyện (kể - đọc), thơ phù hợp độ tuổi. (CS64) (Tháng 9)***  **Truyện:**  - Ba cô gái (Tháng 11)  - Cây khế (Tháng 11)  - Sự tích hoa hồng (Tháng 12)  - Cái mũi (Chủ đề “Gương mặt đáng yêu”) (Tháng 10)  - Ai đáng khen nhiều hơn (Tháng 12)  - Chú dê đen (Tháng 2)  - Sự tích chú cuội cung trăng (Tháng 9)  - Quả bầu tiên (Tháng 3)  - Món quà của cô giáo (Tháng 10)  - Sự tích quả dưa hấu (Tháng 1)  - Sự tích hồ gươm (Tháng 5)  - Cây tre trăm đốt (SHC) (Tháng 3)  - Sự tích ngày và đêm (SHC) (Tháng 4)  - Vì sao thỏ cụt đuôi (Chủ đề các biển báo giao thông) (Tháng 3)  - Những tấm biển biết nói (SHC) (Tháng 5)  - Nòng nọc tìm mẹ(chủ đề “Chú ếch con”) (Tháng 2)  - Giọt nước tí xíu (Tháng 1)  - Sự tích mùa xuân (SHC) (Tháng 2)  - Sự tích Vua Hùng (Tháng 4)  - Mèo con và quyển sách (Tháng 5) (Chủ đề sách) |
| - Trẻ nghe, hiểu khi người khác nói và trao đổi được với người đối thoại. | - Nghe các bài hát,bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ,câu đố, hò vè,phù hợp với độ tuổi. (Tháng 5)  - Văn hóa nghe: chú ý để hiểu thông điệp, không ngắt lời người nói.(Tháng 5)  ***- Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ nét mặt, ánh mắt phù hợp (TCS) (CS74) (Tháng 5)***  ***- Chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện.*** ***(Giờ học)*** ***(TCS) (CS75) (Tháng 1)***  ***- Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói ( HĐVCNT) (CS76)*** ***(Tháng 4)*** |
| - Trẻ biết sử dụng các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh … | - Cặp từ trái nghĩa (Tháng 12)  - Câu ghép (Tháng 3)  - Đặt câu “khẳng định và phủ định” (Tháng 3)  - Từ biểu cảm (Tháng 4)  - Phát âm rõ khi nói. Phát âm tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu (SHC) (Tháng 2)  ***-*** ***Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hằng ngày. (Giờ học) (HĐVCTL) (CS66) (Tháng 9)***  - Biết bày tỏ nhu cầu và hiểu biết của bản thân một cách rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. (HĐVCTL) (Tháng 4)  - Bé đặt câu với cặp từ “Vì …. nên” (Tháng 1)  - Bé đặt câu với cặp từ “Nếu…thì…” (Tháng 4)  - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. (HĐVCTL) (Tháng 5) |
| - Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao … | - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè:  - Vè trái cây (SHC) (Tháng 2)  - Đàn kiến nó đi (SHC) (Tháng 2)  - Làm anh (SHC) (Tháng 4)  - Công cha như núi thái sơn ……. (SHC) (Tháng 10)  - Mỗi người một việc (SHC) (Tháng 2)  - Bé làm quen chữ số (SHC) (Tháng 4)  - Bé tập đếm (SHC) (Tháng 3)  - Làm nghề như bố (SHC) (Tháng 12)  - Gà mẹ đếm con (SHC) (Tháng 3)  - Không vức rác ra đường (SHC) (Tháng 4)  - Im lặng (SHC) (Tháng 5)  - Mười ngón tay ngoan… (SHC) (Tháng 1)  - Gió mùa thu mẹ ru con ngủ……… (SHC) (Tháng 3)  - Chim trời ai dễ đếm lông……… (SHC) (Tháng 3)  - Anh em nào phải người xa…. (SHC) (Tháng 3)  - Bầu ơi thương lấy bí cùng……. (SHC) (Tháng 12)  - Nhiễu điều phủ lấy giá gương…… (SHC) (Tháng 3)  - Chú cuội ngồi gốc cây đa…… (SHC) (Tháng 4)  - Thằng bờm ….. (SHC) (Tháng 5)  - Con công hay múa…… (SHC) (Tháng 11)  - Con mèo mà trèo cây cau……. (SHC) (Tháng 1)  - Đọc thơ:  - Trăng ơi… từ đâu đến (Tháng 9)  - Em yêu nhà em (Chủ đề bé yêu gia đình) (Tháng 4)  - Giữa vòng gió thơm (SHC) (Tháng 4)  - Ảnh Bác (Tháng 5)  - Mùa xuân (Tháng 1)  - Cây dừa (SHC) (Tháng 4)  - Làm anh (Tháng 11)  - Đôi tay bé (SHC) (Tháng 10)  - Bé vào lớp một (Tháng 5)  - Hạt gạo làng ta (SHC) (Tháng 5)  - Bó hoa tặng cô (Tháng 1)  - Chiếc cầu mới (Tháng 10)  - Mèo đi câu cá (Tháng 10)  - Hoa cúc vàng (Tháng 3)  - Bàn tay cô giáo (Tháng 10)  **-** Chú bộ đội hành quân trong mưa **(**🞛chủ đề Chú bộ đội) (Tháng 12)  - Em cũng là cô giáo (Tháng 11) |
| - Trẻ biết kể chuyện có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện … trong nội dung truyện | ***- Biết kể lại truyện đã nghe theo trình tự. (*CS71) (Tháng 12)**  (Biết đặt câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? Có gì giống nhau? Có gì khác nhau? Do đâu mà có? Đặt câu hỏi: tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì?) (Tháng 12)  - Kể chuyện sáng tạo: kể lại truyện đã nghe theo trình tự, theo tranh, đồ vật, mô hình, thay đổi nhân vật, tính cách, tình tiết, thêm nhân vật ... trong chuyện có sẵn, tự kết thúc chuyện. (HĐVCTL) (Tháng 5)  - Kể lại sự việc, chuyện ngắn một cách mạch lạc. (HĐVCTL)  ***- Biết trả lời, đặt câu hỏi và sử dụng các loại câu hỏi khác nhau trong giao tiếp (HĐVCTL)(CS67) (Tháng 3)***  ***- Biết thể hiện cử chỉ, điệu bộ và sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của bản thân (HĐVCTL) (CS68)*** ***(Tháng 4)***  ***- Kể về 1 sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được*. (Giờ học) (TCS) (CS70)** ***(Tháng 1)***  ***- Biết kể lại truyện theo tranh (CS85) (Tháng 10)***  ***- Biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động (Giờ học)(CS69)(Tháng 11)***  ***- Nói rõ ràng (HĐVCTL)(CS65) (Tháng 11)***  - Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái… của nhân vật (HĐVCTL) (Tháng 2)  - Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc thích nghe va đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. (HĐVCTL) (Tháng 4) |
| - Trẻ biết đóng được vai của nhân vật trong truyện | - Đóng kịch. (Tháng 4) |
| - Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng … phù hợp với tình huống. | - Văn hóa nói: lễ phép khi nói, mạnh dạn, không nói quá to hay lí nhí, giơ tay trong giờ học khi muốn nói, chờ tới lượt nói. (SHC) (Tháng 11)  ***- Sử dụng 1 số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống ( đón trẻ) (CS77)*** ***(Tháng 10)*** |
| - Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh | ***- Biết cách khởi xướng cuộc trò* chuyện (HĐVCTL) (CS72) *(Tháng 2)***  ***- Không nói tục, chửi bậy*** ***(SHC)(CS78)*** (Tháng 3)  ***- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp*** (***SHC)(CS73)*** (Tháng 12) |
| - Trẻ biết cách “đọc sách”  từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. | - Tư thế đọc – viết: ngồi, cầm bút. (Tháng 11)  - Nhận biết các bộ phận 1 cuốn sách: bìa sách, trang sách, tên sách...(HĐVCTL) (Tháng 9)  - Làm sách (HĐVCTL) (Tháng 5)  - Sửa sách cũ (Chủ đề sách) (Tháng 5)  - Giữ gìn sách như thê nào? (Chủ đề sách) (Tháng 5)  - Chọn sách yêu thích (HĐVCTL) (Tháng 5)  - Bé khám phá sách (SHC) (Tháng 5)  - Lợi ích của việc đọc sách (TCS) (Tháng 3)  - Nghe đọc sách: nhận biết hướng đọc (trái – phải, trên – xuống) (SHC)(Tháng 5)  - Lựa chọn, xem, “đọc sách”: cầm, lật, phân biệt chỗ bắt đầu – kết thúc (Giờ học) (SHC) (Tháng 3)  - ***Thể hiện sự thích thú khi xem và nghe đọc sách (HĐVCTL) (CS80) (Tháng 11)***  ***- Có hành vi giữ gìn và bảo vệ sách (Giờ học) (HĐVCTL) (CS81) (Tháng 2)***  ***- Có một số hành vi như người đọc sách (HĐVCTL) (CS83)*** ***(Tháng 5)*** |
| - Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân | - Kể chuyện theo đồ vật (Tháng 12)  ***- Kể chuyện theo tranh (CS85) (Tháng 11)***  ***- “Đọc” truyện qua tranh đã biết (Giờ học) (HĐVCTL) (CS84) (Tháng 3)***  ***- Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác ( HĐVCTL)(CS120) (Tháng 4)*** |
| - Trẻ biết nhận các ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra – vào, cấm lửa, biển báo giao thông … | ***- Làm quen một số kí hiệu thông thường và ý nghĩa 1 số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra thoát hiểm***) ***(HĐVCNT)(CS82) (Tháng 10)***  (GV tạo ra các biểu tượng ký hiệu riêng của trường: lối lên – xuống cầu thang (mũi tên) hãy im lặng ( ngón tay trên miệng) hãy lắng nghe...) (Tháng 10) |
| - Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt | ***- Biết chữ viết có thể đọc thay cho lời nói (SHC) (CS86***) ***(Tháng 3)***  - Nhận biết mối quan hệ giữa lời nói và chữ viết: người ta có thể viết y hệt những gì nói, mỗi tiếng tương ứng 1 chữ... (SHC) (Tháng 2)  - ***Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh (HĐVCNT)(CS79) (Tháng 2)***  ***- Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.***  ***(HĐVCTL)(CS91) (Tháng 5)***  - Chữ d, a (Tháng 11)  - Chữ đ, ê (Tháng 12)  - Chữ l, e (Tháng 11)  - Chữ ă, h (Tháng 11)  - Chữ â, y (Tháng 11)  - Chữ c, b (Tháng 1)  - Chữ m, k (Tháng 1)  - Chữ n, p (Tháng 1)  - Chữ u, g (Tháng 2)  - Chữ ư, q (Tháng 3)  - Chữ x (Tháng 3)  - Chữ s (Tháng 3)  - Chữ i, t (Tháng 4)  - Chữ v (Tháng 4)  - Chữ r (Tháng 4) |
| - Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. | - Nhận biết nét cong hai đầu (HĐVCTL) (Tháng 9)  - Nhận biết nét thắt trên - dưới (Tháng 9)  - Nhận biết nét khuyết trên- dưới (Tháng 10)  - Nhận biết nét lượn sóng (Tháng 10)  - Nhận biết nét tròn- nét bầu dục (HĐVCTL) (Tháng 10)  - Nhận biết hình thức chữ viết: in- viết, hoa – thường, khoảng cách, dấu phẩy – chấm (HĐVCTL) (Tháng 4)  - Hướng viết của chữ (như đọc) quy trình viết 1 chữ cái.  - Nhận biết phát âm chữ cái và các dấu thanh trong chữ - từ có ý nghĩa. (HĐVCTL) (Tháng 5)  - Sao chép, đồ, tô chữ. (HĐVCTL) (Tháng 12)  ***- Biết đọc và viết từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. (HĐVCTL)(CS90) (Tháng 5)***  ***- Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái*** ***(HĐVCTL)(CS88) (Tháng 2)***  ***- Biết “viết” tên theo cách riêng của mình (HĐVCTL)(CS89) (Tháng 12)***  - Thích viết ra những ý nghĩ của mình bằng nhiều loại ký hiệu: tranh vẽ, biển báo, nhãn mác, đồ vật, chữ viết. (SHC) (Tháng 12)  - Đọc và viết được tên của mình (SHC) (Tháng 12)  - ***Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của bản thân (Giờ học) (HĐVCTL) (CS87) (Tháng 4)***  - Xem và nghe, đọc các loại sách khác nhau (SHC) (Tháng 3)  - Làm quen và hiểu ý nghĩa 1 số ký hiệu thông thường trong cuộc sống. ( HĐVCNT) (Tháng 10) |

**+ Ghi chú**

**- Tháng 9: Màu hống phấn**

**- Tháng 10: Màu tím**

**- Tháng 11: Màu xanh lam**

**- Tháng 12: Màu cam**

**- Tháng 1: Màu xanh dương**

**- Tháng 2: Màu đỏ đậm**

**- Tháng 3: Màu hồng**

**- Tháng 4: Màu xanh lá**

**- Tháng 5: Màu đen**

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THẨM MỸ**

**I. Mục tiêu:**

- Trẻ biết bộc lộ cảm xúc qua lời nói, hành động khi nghe âm thanh gợi cảm, ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ …

- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm

- Trẻ biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.

- Trẻ biết sáng tạo các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yệu thích

- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích

**II. Nội dung**

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU GIÁO DỤC** | **NỘI DUNG GIÁO DỤC** |
| - Trẻ biết bộc lộ cảm xúc qua lời nói, hành động khi nghe âm thanh gợi cảm, ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng xung quanh. | - Trẻ được sống trong môi trường đẹp: thiên nhiên, sân vườn, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi (HĐVCNT) (Tháng 9)  - Quan tâm để ý đến vẻ đẹp của mọi vật xung quanh: màu sắc, hình dáng, sự hài hòa, tính đa dạng. (HĐVCNT) (Tháng 1)  - Thể hiện cảm xúc, thái độ hành vi mong muốn tạo ra cái đẹp: xếp đồ gọn gàng, chăm sóc cây hoa, ăn mặc, chải tóc... (SHC) (Tháng 11)  - Yêu thích nghệ thuật, âm nhạc, hội họa. (HĐVCTL) (Tháng 9)  - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe các âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc. (HĐVCTL) (Tháng 11)  ***- Thể hiện cảm xúc (vui tươi, ngạc nhiên, hứng thú) trước vẻ đẹp của thiên nhiên và sản phẩm tạo hình.(CS101) (Tháng 12)*** |
| - Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ | ✠ Màu áo chú bộ đội (SHC) (Tháng 12)  - Đêm trung thu. (SHC) (Tháng 9)  - Rước đèn dưới trăng (SHC) (Tháng 9)  - Mùa xuân đến rồi (SHC) (Tháng 2)  - Hoa trường em (SHC) (Tháng 3)  - Vui đến trường (SHC) (Tháng 11)  - Cô giáo miền xuôi (SHC) (Tháng 11)  - Em đi mẫu giáo (SHC) (Tháng 11)  - Vườn trường mùa thu (SHC) (Tháng 5)  - Bé quét nhà (SHC) (Tháng 4)  - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm, của bài hát. (Tháng 5)  + Cả tuần đều ngoan (Tháng 9)  **+** Đường và chân (Tháng 9)  + Những khúc nhạc hồng (Tháng 10)  + Cô giáo em (Tháng 11)  + Chú bộ đội đi xa (chủ đề “Chú bộ đội”) (Tháng 12)  + Bác đưa thư vui tính. (Tháng 12)  + Bà còng đi chợ (Tháng 1)  + Em yêu cây xanh (Tháng 1)  + Chú ếch con (Chủ đề “Chú ếch con”) (Tháng 2)  + Lá xanh (Tháng 3)  + Em qua ngã tư đường phố (Chủ đề Giao thông) (Tháng 3)  + Cho con (Chủ đề bé yêu gia đình) (Tháng 4)  + Chú voi con ở Bản Đôn (Tháng 4)  + Cháu vẫn nhớ trường Mầm Non (Tháng 5)  + Nhớ ơn bác (Tháng 5)  + Quả gì (Tháng 5)  + Tạm biệt búp bê (Tháng 5) |
| - Trẻ chú ý nghe nhạc, nghe hát để nhận biết âm thanh, thể loại, sắc thái… | - Nghe, phân biệt âm thanh đa dạng trong thiên nhiên, cuộc sống (gió, mưa, xe cộ, đóng mở cửa...) (Tháng 2)  - Nghe nhạc và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau: nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc không lời, nhạc cổ điển. (Tháng 2)  - Bé nghe nhạc noel (HĐVCTL) (Tháng 12)  - Nghe nhạc dân ca (Lý chiều chiều và Trống cơm) (Tháng 1)  - Nghe nhạc dân ca (Hò ba lí và Ngày mùa vui) (Tháng 2)  - Thật là đáng chê (Tháng 10)  - Lý quạ kêu (Tháng 12)  - Lý đất giòng (tháng 9)  - Ai yêu Bác Hồ Chí Minh (SHC) (Tháng 5)  - Nghe dân ca “lý cây đa – lý con sáo” (Tháng 3)  - Nghe dân ca “Ru con” (Tháng 4)  - Cây trúc xinh” (Tháng 4)  - Ngày đầu tiên đi học (Tháng 9)  - Vườn cây của ba (SH chiều) (Tháng 1)  - Hoa trong vườn (SHC) (Tháng 10)  - Anh phi công ơi (SHC) (Tháng 11)  - Xe chỉ luồn kim (Tháng 9)  **- *Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm, tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. (CS99)*** ***(Tháng 9)***  - Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc. (HĐVCTL) (Tháng 1) |
| - Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)  - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn): | - Vận động theo nhạc: bằng cơ thể (dậm, vỗ, lắc, nhún, nhảy, uốn lượn, múa, khiêu vũ hện đại...) (Tháng 10)  + Vận động bài hát “Cả tuần đều ngoan” (Tháng 9)  + Vận động bài hát “Cô giáo của em” (Tháng 11)  - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu, (nhanh, phối hợp, phối hợp) (Tháng 12)  + Vận động “Những khúc nhạc hồng” (Tháng 11)  + Vận động bài hát “Sắp đến tết rồi”. (Tháng 1)  + Vận động bài hát “Lá xanh” (tháng 3)  + Vận động bài hát “Em yêu cây xanh” (tháng 2)  **Sáng tạo:**  + Lời bài hát (Tháng 10)  + Vận động (Tháng 3)  - Văn hóa thưởng thức nghệ thuật: giữ im lặng, vỗ tay tán thưởng ... (SHC) (Tháng 2)  - Vỗ, nhún nhảy, uốn lượn (SHC) (Tháng 10)  **⯌ Làm quen nhạc cụ:**  + Chập chen, trồng, gáo dừa (HĐVCTL) (Tháng 10)  + Phách tre (HĐVCTL) (Tháng 10)  + Múa  - Múa “Cho tôi đi làm mưa với” (Tháng 1)  - Múa “Múa cho mẹ xem” (Tháng 10)  - Múa “Vui đến trường” (Tháng 11) |
| - Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm | - Sử dụng kết hợp NVL tạo hình đa dạng (màu nước, sáp, bút chì, thiên nhiên...) (Tháng 11)  - Bé trang trí cây thông (HĐVCTL) (Tháng 12)  - Bé trang trí từ những hình hình học (HĐVCTL) (Tháng 12)  - Bé tạo hình con vật từ lá cây (Tháng 1)  - Bé chơi với lá (Tháng 5)  - Bé trang trí đón tết (SHC) (Tháng 1) |
| - Trẻ biết sử dụng kết hợp NVL tạo hình đa dạng (màu nước, sáp, bút chì, thiên nhiên...) | - Cách sử dụng màu, pha màu từ các màu cơ bản (Tháng 10)  - Cách sử dụng màu, pha màu từ các màu cơ bản màu trắng đen (Tháng 5)  - Phân biệt sắc thái màu: đậm nhạt, nóng lạnh (Tháng 4)  - Bố cục (xa – gần, trái – phải, trên – dưới, xéo) kích thước cân đối (Tháng 4)  - Phun màu (Tháng 1)  \* Thổi màu (Tháng 5)  ⯎ Khảm hình từ vỏ trứng, Giấy vụn, Lá cây, hột hạt… (Tháng 4)  **🞠 Đan:**  + Tết (Đan nốt) (Tháng 4)  **🟊 In:**  - Nắp chai, lá, bàn tay, hoa, chai nước, (Tháng 10)  **-** Ngón tay (Tháng 11)  - Bức tranh bé thích (Tháng 11)  ***-*** Vẽ theo đường nét chấm và tô màu kín, không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ. (SHC) (Tháng 9)  - Tự chọn màu cho nền, hình (SHC) (Tháng 5)  ⯎ Làm quen khảm giấy vụn (HĐVCTL) (Tháng 5)  **🞠 Đan:**  + Dây (HĐVCTL) (Tháng 5)  - Bé vẽ khuôn mặt của bé (Chủ đề “Gương mặt đáng yêu”) (Tháng 10) |
| - Trẻ biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.  Xé: xé vụn, xé theo đường thẳng, xé tua, dải to – nhỏ, đường cong, theo hình vẽ sẵn, theo trí tưởng tượng ước lượng... | - Tô màu: tô đậm nhạt, chọn màu tô (SHC) (Tháng 3)  + To, nhỏ (SHC) (Tháng 11)  + Cắt theo đường viền sẵn (SHC) (Tháng 11)  + Góc nhọn (SHC) (Tháng 2)  + Hình tròn (SHC) (Tháng 2)  **\* Xé**  +Xé theo đường viền (SHC) (Tháng 4)  + Xé vụn (HĐVCTL) (Tháng 4)  - Dán: phết, chấm hồ, dán vào hình nền có sẵn, ước lượng vị trí dán, chọn hình có sẵn để dán hình mới, tạo hình (hoa, quả...) từ những mảnh xé (Tháng 10)  - Cắt: Tập cầm kéo cắt trên giấy, cắt dọc, thẳng, lượn cong, cắt theo mẫu. Cắt hình giống nhau một loạt, cắt hình gấp để tạo hình (hoa, tam giác, vuông...) (Tháng 3)  + Bé làm lồng đèn (Chủ đề “Trung thu”) (Tháng 9)  + Bé làm hoa, nơ, bướm từ túi nilon (Tháng 12)  + Cắt hoa, nơ, bướm từ nilon (Tháng 12)  + Cắt lượn cong (Tháng 1)  + Cắt hình đối xứng (Tháng 1)  + Bé làm túi giấy (HĐVCTL) (Tháng 3)  + Bé làm quai túi xách từ túi nilon (Tháng 3)  + Bé cắt Lá cờ Việt Nam (Caét theo ñöôøng cong, thẳng) (Tháng 3)  + Hình đố xứng (Tháng 4)  + Bé làm hoa từ túi nilon (HĐVCTL) (Tháng 4)  + Đường cong, đường cong nhỏ (Giờ học) (Tháng 2)  + Đường dích dắc (Tháng 4)  - Vẽ gia đình (Chủ đề gia đình) (Tháng 4)  - Kết hợp vẽ với xé dán (Tháng 5) |
| - Trẻ biết phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cụa cân đối  - Nặn: Chia đất cân đối, vo tròn, bóp, ấn, ngắt, lăn, lăn dài, uốn cong, miết, gắn, kéo dài. Đính thêm các chi tiết vào hình nặn. Nặn theo trí tưởng tượng | - Chia đất cho phù hợp với kích (SH chiều) (Tháng 5)  **-** Vuốt nhọn (HĐVCTL) (Tháng 5)  - Bé nặn ấn lõm (xoay tròn, miết) (Tháng 10)  - Bé nặn cái điện thoại (Tháng 11)  - Bé bặn bẻ loe (Tháng 11)  - Bé nặn xe hơi (Tháng 12)  - Bé nặn xe chở đất (Tháng 1)  - Bé nặn xe lửa (Tháng 3)  - Bé nặn con hươu cao cổ (Tháng 4)  - Bé nặn con sư tử (Tháng 5) |
| - Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối | - Xếp – gấp hình theo mẫu, trí tưởng tượng, gấp – cắt hình đối xứng... (Tháng 5)  + Gấp con cá sấu (Tháng 12)  + Bé gấp lật (Tháng 12)  + Gấp con ếch (Chủ đề “Chú ếch con”) (Tháng 2)  + Gấp cái quạt (Tháng 4)  + Gấp theo ý thích (Tháng 5)  + Gấp nhiều nét (Tháng 5)  - Lắp ráp, xếp hình từ que, hột hạt, lá…tạo ra các sản phẩm. (Tháng 5) |
| - Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cụa cân đối | - Biết nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét và bố cục. (Tháng 5)  - Ấn màu nước. (Tháng 5) |
| - Trẻ biết sáng tạo các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yệu thích | - Sáng tạo ra các âm thanh từ những đồ vật, đồ chơi, vận động hát theo các bản nhạc, bài hát yệu thích (HĐVCTL) (Tháng 5)  ***-*** Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm) của bài hát (HĐVCTL) (Tháng 9)  ***- Hát đúng lời ca, đúng giai điệu, vận động ( kết hợp dụng cụ gõ theo tiết tấu) nhịp nhàng theo bài hát (Giờ học) (CS100) (Tháng 11)*** |
| - Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích | - Đặt tên cho sản phẩm. (Giờ học) (Tháng 1)  ***- Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình (HĐVCTL)(CS103) (Tháng 2)***  ***-*** Biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát (HĐVCTL) (Tháng 5)  ***-*** Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau. (HĐVCTL) (Tháng 5)  **- *Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản(Giờ học)(CS102) (Tháng 12)***  - Biết sử dụng các dụng cụ vỗ tiết tấu, gõ, tự chọn.(Giờ học) (Tháng 11)  ***-*** Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc (Giờ học) (Tháng 12)  - Biết tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu mở tạo ra sản phẩm tạo hình. (Giờ học) (Tháng 12)  - Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (Giờ học) (Tháng 12) |
| - Trẻ biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối | - Vẽ thú rừng em thích nhất (Tháng 2)  - Vẽ gia đình bé. (Tháng 4)  - Vẽ chân dung của bé (Tháng 4)  - Vẽ đồ dùng, quần áo thích hợp với thời tiết. (Tháng 4) |

**+ Ghi chú**

**- Tháng 9: Màu hồng phấn**

**- Tháng 10: Màu tím**

**- Tháng 11: Màu xanh lam**

**- Tháng 12: Màu cam**

**- Tháng 1: Màu xanh dương**

**- Tháng 2: Màu đỏ đậm**

**- Tháng 3: Màu hồng**

**- Tháng 4: Màu xanh lá**

**- Tháng 5: Màu đen**

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THẨM MỸ**

**I. Mục tiêu:**

- Trẻ biết bộc lộ cảm xúc qua lời nói, hành động khi nghe âm thanh gợi cảm, ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ …

- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm

- Trẻ biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.

- Trẻ biết sáng tạo các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yệu thích

- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích

**II. Nội dung**

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU GIÁO DỤC** | **NỘI DUNG GIÁO DỤC** |
| - Trẻ biết bộc lộ cảm xúc qua lời nói, hành động khi nghe âm thanh gợi cảm, ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng xung quanh. | - Trẻ được sống trong môi trường đẹp: thiên nhiên, sân vườn, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi (HĐVCNT) (Tháng 9)  - Quan tâm để ý đến vẻ đẹp của mọi vật xung quanh: màu sắc, hình dáng, sự hài hòa, tính đa dạng. (HĐVCNT) (Tháng 1)  - Thể hiện cảm xúc, thái độ hành vi mong muốn tạo ra cái đẹp: xếp đồ gọn gàng, chăm sóc cây hoa, ăn mặc, chải tóc... (SHC) (Tháng 11)  - Yêu thích nghệ thuật, âm nhạc, hội họa. (HĐVCTL) (Tháng 9)  - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe các âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc. (HĐVCTL) (Tháng 11)  ***- Thể hiện cảm xúc (vui tươi, ngạc nhiên, hứng thú) trước vẻ đẹp của thiên nhiên và sản phẩm tạo hình.(CS101) (Tháng 12)*** |
| - Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ | ✠ Màu áo chú bộ đội (SHC) (Tháng 12)  - Đêm trung thu. (SHC) (Tháng 9)  - Rước đèn dưới trăng (SHC) (Tháng 9)  - Mùa xuân đến rồi (SHC) (Tháng 2)  - Hoa trường em (SHC) (Tháng 3)  - Vui đến trường (SHC) (Tháng 11)  - Cô giáo miền xuôi (SHC) (Tháng 11)  - Em đi mẫu giáo (SHC) (Tháng 11)  - Vườn trường mùa thu (SHC) (Tháng 5)  - Bé quét nhà (SHC) (Tháng 4)  - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm, của bài hát. (Tháng 5)  + Cả tuần đều ngoan (Tháng 9)  **+** Đường và chân (Tháng 9)  + Những khúc nhạc hồng (Tháng 10)  + Cô giáo em (Tháng 11)  + Chú bộ đội đi xa (chủ đề “Chú bộ đội”) (Tháng 12)  + Bác đưa thư vui tính. (Tháng 12)  + Bà còng đi chợ (Tháng 1)  + Em yêu cây xanh (Tháng 1)  + Chú ếch con (Chủ đề “Chú ếch con”) (Tháng 2)  + Lá xanh (Tháng 3)  + Em qua ngã tư đường phố (Chủ đề Giao thông) (Tháng 3)  + Cho con (Chủ đề bé yêu gia đình) (Tháng 4)  + Chú voi con ở Bản Đôn (Tháng 4)  + Cháu vẫn nhớ trường Mầm Non (Tháng 5)  + Nhớ ơn bác (Tháng 5)  + Quả gì (Tháng 5)  + Tạm biệt búp bê (Tháng 5) |
| - Trẻ chú ý nghe nhạc, nghe hát để nhận biết âm thanh, thể loại, sắc thái… | - Nghe, phân biệt âm thanh đa dạng trong thiên nhiên, cuộc sống (gió, mưa, xe cộ, đóng mở cửa...) (Tháng 2)  - Nghe nhạc và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau: nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc không lời, nhạc cổ điển. (Tháng 2)  - Bé nghe nhạc noel (HĐVCTL) (Tháng 12)  - Nghe nhạc dân ca (Lý chiều chiều và Trống cơm) (Tháng 1)  - Nghe nhạc dân ca (Hò ba lí và Ngày mùa vui) (Tháng 2)  - Thật là đáng chê (Tháng 10)  - Lý quạ kêu (Tháng 12)  - Lý đất giòng (tháng 9)  - Ai yêu Bác Hồ Chí Minh (SHC) (Tháng 5)  - Nghe dân ca “lý cây đa – lý con sáo” (Tháng 3)  - Nghe dân ca “Ru con” (Tháng 4)  - Cây trúc xinh” (Tháng 4)  - Ngày đầu tiên đi học (Tháng 9)  - Vườn cây của ba (SH chiều) (Tháng 1)  - Hoa trong vườn (SHC) (Tháng 10)  - Anh phi công ơi (SHC) (Tháng 11)  - Xe chỉ luồn kim (Tháng 9)  **- *Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm, tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. (CS99)*** ***(Tháng 9)***  - Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc. (HĐVCTL) (Tháng 1) |
| - Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)  - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn): | - Vận động theo nhạc: bằng cơ thể (dậm, vỗ, lắc, nhún, nhảy, uốn lượn, múa, khiêu vũ hện đại...) (Tháng 10)  + Vận động bài hát “Cả tuần đều ngoan” (Tháng 9)  + Vận động bài hát “Cô giáo của em” (Tháng 11)  - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu, (nhanh, phối hợp, phối hợp) (Tháng 12)  + Vận động “Những khúc nhạc hồng” (Tháng 11)  + Vận động bài hát “Sắp đến tết rồi”. (Tháng 1)  + Vận động bài hát “Lá xanh” (tháng 3)  + Vận động bài hát “Em yêu cây xanh” (tháng 2)  **Sáng tạo:**  + Lời bài hát (Tháng 10)  + Vận động (Tháng 3)  - Văn hóa thưởng thức nghệ thuật: giữ im lặng, vỗ tay tán thưởng ... (SHC) (Tháng 2)  - Vỗ, nhún nhảy, uốn lượn (SHC) (Tháng 10)  **⯌ Làm quen nhạc cụ:**  + Chập chen, trồng, gáo dừa (HĐVCTL) (Tháng 10)  + Phách tre (HĐVCTL) (Tháng 10)  + Múa  - Múa “Cho tôi đi làm mưa với” (Tháng 1)  - Múa “Múa cho mẹ xem” (Tháng 10)  - Múa “Vui đến trường” (Tháng 11) |
| - Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm | - Sử dụng kết hợp NVL tạo hình đa dạng (màu nước, sáp, bút chì, thiên nhiên...) (Tháng 11)  - Bé trang trí cây thông (HĐVCTL) (Tháng 12)  - Bé trang trí từ những hình hình học (HĐVCTL) (Tháng 12)  - Bé tạo hình con vật từ lá cây (Tháng 1)  - Bé chơi với lá (Tháng 5)  - Bé trang trí đón tết (SHC) (Tháng 1) |
| - Trẻ biết sử dụng kết hợp NVL tạo hình đa dạng (màu nước, sáp, bút chì, thiên nhiên...) | - Cách sử dụng màu, pha màu từ các màu cơ bản (Tháng 10)  - Cách sử dụng màu, pha màu từ các màu cơ bản màu trắng đen (Tháng 5)  - Phân biệt sắc thái màu: đậm nhạt, nóng lạnh (Tháng 4)  - Bố cục (xa – gần, trái – phải, trên – dưới, xéo) kích thước cân đối (Tháng 4)  - Phun màu (Tháng 1)  \* Thổi màu (Tháng 5)  ⯎ Khảm hình từ vỏ trứng, Giấy vụn, Lá cây, hột hạt… (Tháng 4)  **🞠 Đan:**  + Tết (Đan nốt) (Tháng 4)  **🟊 In:**  - Nắp chai, lá, bàn tay, hoa, chai nước, (Tháng 10)  **-** Ngón tay (Tháng 11)  - Bức tranh bé thích (Tháng 11)  ***-*** Vẽ theo đường nét chấm và tô màu kín, không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ. (SHC) (Tháng 9)  - Tự chọn màu cho nền, hình (SHC) (Tháng 5)  ⯎ Làm quen khảm giấy vụn (HĐVCTL) (Tháng 5)  **🞠 Đan:**  + Dây (HĐVCTL) (Tháng 5)  - Bé vẽ khuôn mặt của bé (Chủ đề “Gương mặt đáng yêu”) (Tháng 10) |
| - Trẻ biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.  Xé: xé vụn, xé theo đường thẳng, xé tua, dải to – nhỏ, đường cong, theo hình vẽ sẵn, theo trí tưởng tượng ước lượng... | - Tô màu: tô đậm nhạt, chọn màu tô (SHC) (Tháng 3)  + To, nhỏ (SHC) (Tháng 11)  + Cắt theo đường viền sẵn (SHC) (Tháng 11)  + Góc nhọn (SHC) (Tháng 2)  + Hình tròn (SHC) (Tháng 2)  **\* Xé**  +Xé theo đường viền (SHC) (Tháng 4)  + Xé vụn (HĐVCTL) (Tháng 4)  - Dán: phết, chấm hồ, dán vào hình nền có sẵn, ước lượng vị trí dán, chọn hình có sẵn để dán hình mới, tạo hình (hoa, quả...) từ những mảnh xé (Tháng 10)  - Cắt: Tập cầm kéo cắt trên giấy, cắt dọc, thẳng, lượn cong, cắt theo mẫu. Cắt hình giống nhau một loạt, cắt hình gấp để tạo hình (hoa, tam giác, vuông...) (Tháng 3)  + Bé làm lồng đèn (Chủ đề “Trung thu”) (Tháng 9)  + Bé làm hoa, nơ, bướm từ túi nilon (Tháng 12)  + Cắt hoa, nơ, bướm từ nilon (Tháng 12)  + Cắt lượn cong (Tháng 1)  + Cắt hình đối xứng (Tháng 1)  + Bé làm túi giấy (HĐVCTL) (Tháng 3)  + Bé làm quai túi xách từ túi nilon (Tháng 3)  + Bé cắt Lá cờ Việt Nam (Caét theo ñöôøng cong, thẳng) (Tháng 3)  + Hình đố xứng (Tháng 4)  + Bé làm hoa từ túi nilon (HĐVCTL) (Tháng 4)  + Đường cong, đường cong nhỏ (Giờ học) (Tháng 2)  + Đường dích dắc (Tháng 4)  - Vẽ gia đình (Chủ đề gia đình) (Tháng 4)  - Kết hợp vẽ với xé dán (Tháng 5) |
| - Trẻ biết phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cụa cân đối  - Nặn: Chia đất cân đối, vo tròn, bóp, ấn, ngắt, lăn, lăn dài, uốn cong, miết, gắn, kéo dài. Đính thêm các chi tiết vào hình nặn. Nặn theo trí tưởng tượng | - Chia đất cho phù hợp với kích (SH chiều) (Tháng 5)  **-** Vuốt nhọn (HĐVCTL) (Tháng 5)  - Bé nặn ấn lõm (xoay tròn, miết) (Tháng 10)  - Bé nặn cái điện thoại (Tháng 11)  - Bé bặn bẻ loe (Tháng 11)  - Bé nặn xe hơi (Tháng 12)  - Bé nặn xe chở đất (Tháng 1)  - Bé nặn xe lửa (Tháng 3)  - Bé nặn con hươu cao cổ (Tháng 4)  - Bé nặn con sư tử (Tháng 5) |
| - Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối | - Xếp – gấp hình theo mẫu, trí tưởng tượng, gấp – cắt hình đối xứng... (Tháng 5)  + Gấp con cá sấu (Tháng 12)  + Bé gấp lật (Tháng 12)  + Gấp con ếch (Chủ đề “Chú ếch con”) (Tháng 2)  + Gấp cái quạt (Tháng 4)  + Gấp theo ý thích (Tháng 5)  + Gấp nhiều nét (Tháng 5)  - Lắp ráp, xếp hình từ que, hột hạt, lá…tạo ra các sản phẩm. (Tháng 5) |
| - Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cụa cân đối | - Biết nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét và bố cục. (Tháng 5)  - Ấn màu nước. (Tháng 5) |
| - Trẻ biết sáng tạo các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yệu thích | - Sáng tạo ra các âm thanh từ những đồ vật, đồ chơi, vận động hát theo các bản nhạc, bài hát yệu thích (HĐVCTL) (Tháng 5)  ***-*** Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm) của bài hát (HĐVCTL) (Tháng 9)  ***- Hát đúng lời ca, đúng giai điệu, vận động ( kết hợp dụng cụ gõ theo tiết tấu) nhịp nhàng theo bài hát (Giờ học) (CS100) (Tháng 11)*** |
| - Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích | - Đặt tên cho sản phẩm. (Giờ học) (Tháng 1)  ***- Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình (HĐVCTL)(CS103) (Tháng 2)***  ***-*** Biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát (HĐVCTL) (Tháng 5)  ***-*** Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau. (HĐVCTL) (Tháng 5)  **- *Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản(Giờ học)(CS102) (Tháng 12)***  - Biết sử dụng các dụng cụ vỗ tiết tấu, gõ, tự chọn.(Giờ học) (Tháng 11)  ***-*** Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc (Giờ học) (Tháng 12)  - Biết tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu mở tạo ra sản phẩm tạo hình. (Giờ học) (Tháng 12)  - Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (Giờ học) (Tháng 12) |
| - Trẻ biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối | - Vẽ thú rừng em thích nhất (Tháng 2)  - Vẽ gia đình bé. (Tháng 4)  - Vẽ chân dung của bé (Tháng 4)  - Vẽ đồ dùng, quần áo thích hợp với thời tiết. (Tháng 4) |

**+ Ghi chú**

**- Tháng 9: Màu hồng phấn**

**- Tháng 10: Màu tím**

**- Tháng 11: Màu xanh lam**

**- Tháng 12: Màu cam**

**- Tháng 1: Màu xanh dương**

**- Tháng 2: Màu đỏ đậm**

**- Tháng 3: Màu hồng**

**- Tháng 4: Màu xanh lá**

**- Tháng 5: Màu đen**